

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/1

DT1.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/01/2024

Phòng thi: DT1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116422001	Trần Như Anh	06/06/2004	Nữ	7,8	6,5	7,2	001			
2	116422002	Phan Vũ Nam	11/09/2004	Nữ	8,3	6,5	7,4	002			
3	116422003	Lâm Tấn Đạt	09/01/2004	Nam	7,8	6,0	6,9	003			
4	116422004	Nguyễn Thành Đạt	04/04/2004	Nam	7,8	6,0	6,9	004			
5	116422006	Võ Hùng Hậu	30/08/2004	Nam	8,0	4,0	6,0	005			
6	116422007	Lý Kim Hòa	25/06/2003	Nữ	8,3	6,8	7,6	006			
7	116422008	Nguyễn Phạm Huy Hoàng	18/02/2004	Nam	7,3	6,3	6,8	007			
8	116422009	Nguyễn Đình Quang Huy	26/11/2004	Nam	8,0	5,8	6,9	008			
9	116422011	Nguyễn Quốc Đông Kha	11/11/2004	Nam	8,0	4,0	6,0	009			
10	116422012	Nguyễn Viên Luận Khải	02/12/2004	Nam	7,8	3,8	5,8	010			
11	116422013	Nguyễn Đăng Khoa	05/03/2004	Nam	7,8	5,8	6,8	011			
12	116422014	Đinh Ngọc Linh	14/07/2003	Nam	7,5	5,5	6,5	012			
13	116422017	Võ Hoàng Long	25/04/2004	Nam	7,5	6,3	6,9	013			
14	116422018	Nguyễn Thành Nam	07/04/2004	Nam	8,3	5,3	6,8	014			
15	116422019	Đào Thị Thanh Ngân	16/08/2004	Nữ	8,8	7,8	8,3	015			
16	116422021	Tạ Bảo Ngân	17/04/2004	Nữ	8,0	6,5	7,3	016			
17	116422022	Hồ Hiếu Nghĩa	26/04/2004	Nam	7,8	5,3	6,6	017			
18	116422025	Nguyễn Trần Quỳnh Như	05/08/2004	Nữ	8,3	5,8	7,1	018			
19	116422027	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/08/2004	Nữ	8,5	6,5	7,5	019			
20	116422028	Nguyễn Thành Phát	01/06/2004	Nam	7,8	5,0	6,4	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22RHM

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....22/.....1.....2024

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116422029	Nguyễn Châu Hồng Phúc	28/01/2004	Nam	7,5	8,3	7,9	003	<u>ph</u>		
2	116422032	La Hoàng Quyền	13/10/2004	Nữ	8,5	5,8	7,2	004	<u>la</u>		
3	116422033	Lê Tú Quyền	04/01/2003	Nữ	9,5	4,5	7,0	005	<u>quyen</u>		
4	116422034	Phạm Thu Quyền	14/06/2003	Nữ	8,3	6,3	7,3	006	<u>ph</u>		
5	116422038	Nguyễn Trọng Tân	16/04/2004	Nam	8,0	5,3	6,7	007	<u>tan</u>		
6	116422041	Phan Khắc Thuần	09/04/2004	Nam	8,8	3,3	6,1	008	<u>phan</u>		
7	116422043	Nguyễn Chí Toán	26/10/2004	Nam	10,0	8,5	9,3	009	<u>TC</u>		
8	116422046	Vũ Thị Trang	20/08/2004	Nữ	9,8	8,0	8,9	010	<u>trang</u>		
9	116422047	Đặng Thành Trung	27/12/2004	Nam	7,3	3,0	5,2	011	<u>trung</u>		
10	116422048	Mai Xuân Trường	12/05/2004	Nam	7,8	5,3	6,6	012	<u>mai</u>		
11	116422049	Lê Phương Uyên	17/10/2004	Nữ	8,3	6,5	7,4	013	<u>le</u>		
12	116422051	Đinh Quốc Việt	09/08/2003	Nam	7,8	4,0	5,9	014	<u>vinh</u>		
13	116422052	Võ Hoàng Vinh	18/12/2004	Nam	8,3	4,3	6,3	015	<u>vo</u>		
14	116422054	Lê Chí Khang	25/09/2003	Nam	8,3	6,8	7,6	016	<u>le</u>		
15	116422056	Thạch Nhật Thanh	05/12/2003	Nam	8,3	3,3	5,8	017	<u>thach</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15Tổng số tờ: 15Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh ThanhCán bộ ghi điểm: Thạch Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: thach

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

2211

D71-110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KTHY

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá:.....T.M.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/01/2024

Phòng thi: D71-110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118422005	Tô Thành Đạt	25/11/2004	Nam	7.8	4.5	6.2	001	Dal		
2	118422006	Lê Thành Được	15/09/2004	Nam	9.0	5.8	7.4	002	Đe		
3	118422007	Cao Huỳnh Hoàng Gia	29/03/2004	Nam	9.0	5.3	7.2	003	Cu		
4	118422009	Trần Huỳnh Vũ Hòa	19/06/2003	Nam	9.0	4.5	6.8	004	Ho		
5	118422010	Trần Minh Khôi	19/10/2004	Nam	8.0	3.3	5.7	005	Kh		
6	118422011	Lâm Ngọc Trung Kiên	09/10/2004	Nam	7.8	4.0	5.9	006	Kien		
7	118422013	Dương Thị Thùy Linh	11/07/2004	Nữ	9.3	5.5	7.4	007	Du		
8	118422014	Huỳnh Ngọc Minh	21/01/2004	Nam	8.3	3.5	5.9	008	Min		
9	118422015	Nguyễn Thị Diễm My	06/02/2004	Nữ	8.8	4.3	6.6	009	Ng		
10	118422017	Kim Thế Ngọc	05/08/2004	Nam	7.8	3.3	5.6	010	Kim		
11	118422018	Trần Thanh Bảo Ngọc	13/12/2004	Nữ	9.8	5.3	7.6	011	Ng		
12	118422020	Trần Thị Triết Nhi	25/12/2004	Nữ	8.5	4.5	6.5	012	Tr		
13	118422022	Thạch Thị Phương Thư	14/05/2004	Nữ	9.3	4.8	7.1	013	Th		
14	118422023	Trần Minh Triển	06/12/2004	Nam	9.0	6.0	7.5	014	Tr		
15	118422025	Lê Quốc Tuấn	10/06/2004	Nam	7.8	1.8	4.8	015	Le		
16	118422027	Thạch Lâm Hoàng Hải	03/12/2002	Nam	7.8	4.5	6.2	016	Ha		
17	118422030	Cao Hồ Thiên Lộc	24/07/2004	Nam	8.0	3.8	5.9	017	Ca		
18	118422031	Trịnh Xuân Thành	28/09/2004	Nam	-	-	-	-	Tr		
19	118422032	Lâm Thị Ngọc Thơ	16/10/2004	Nữ	9.0	4.3	6.7	019	Lin		
20	118422035	Trần Quốc Khái	27/06/2003	Nam	8.3	4.8	6.6	020	Kh		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Khôi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương phụng lan

Cán bộ kiểm tra: Lưu

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KTHY

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024

Phòng thi: D71: 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118422041	Trần Thanh	Luân	23/02/2004	Nam	9.0	6,3	7,7	009	<u>Ước</u>		
2	118422044	Trương Thị Huỳnh	Như	10/08/2004	Nữ	8.5	5,0	6,8	010	<u>như</u>		
3	118422045	Dương Thái	Phong	09/05/2004	Nam	8.5	5,8	7,2	011	<u>Phong</u>		
4	118422046	Nguyễn Hoàng	Tú	20/04/2003	Nam	7.8	3,0	5,4	012	<u>g</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Luyến

Cán bộ coi thi 2:.....

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/1
ĐT 1 112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22PHCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trước kỳ thi

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐT 1 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117322002	Trần Thị Kim Ngân	23/06/2004	Nữ	8.8	5.8	7.3	001	Cu		
2	117322004	Trần Hoàng Thiết	09/10/2002	Nam	10.0	5.0	7.5	002	Uu		
3	117322005	Trần Duy Thịnh	02/07/2004	Nam	8.8	4.8	6.8	003			
4	117322007	Võ Nguyễn Anh Thư	15/08/2004	Nữ	9.3	8.3	8.8	004	Thư		
5	117322008	Phùng Nam Tú	28/10/2004	Nam	8.5	4.8	6.7	005	Phu		
6	117322010	Tô Hiếu Đăng	27/07/2004	Nam	8.3						
7	117322011	Kim Ngọc Dương	10/07/2000	Nam	9.0	4.3	6.7	007	Kim		
8	117322012	Ngô Ngọc Hân	06/02/2004	Nữ	8.3	4.3	6.3	008	Ngô		
9	117322015	Phạm Lê Phúc Khánh	09/02/2004	Nam	8.5	6.0	7.3	009	Phu		
10	117322016	Nguyễn Minh Ngọc Linh	05/09/2004	Nữ	8.0	4.3	6.2	010	Minh		
11	117322017	Kiên Thị Phương Mai	20/05/2004	Nữ	9.8	5.0	7.4	011			
12	117322018	Trần Văn Nguyễn	27/11/2004	Nam	8.5	6.5	7.5	012	Tran		
13	117322019	Đỗ Phương Nhi	03/01/2004	Nữ	9.8	6.3	8.1	013	Nhi		
14	117322022	Huỳnh Lê Hương Nhu	29/10/2004	Nữ	8.5	4.5	6.5	014	Huynh		
15	117322023	Nguyễn Hoàng Phúc	25/05/2000	Nam	9.0	5.0	7.0	015	Phu		
16	117322024	Lê Đồng Minh Quang	03/08/2004	Nam	7.3	4.8	4.6	016	Le		
17	117322026	Trị Thị Thu Thảo	16/01/1999	Nữ	9.8	6.5	8.2	017	Tru		
18	117322028	Trương Thị Huyền Trân	07/01/2004	Nữ	8.0	4.0	6.0	018	Tru		
19	117322029	Võ Trường Tú	27/10/2004	Nam	8.5	5.8	7.2	019	Vu		
20	117322030	Trần Nguyễn Tường Vy	27/06/2002	Nữ	9.3	4.5	6.9	020	Tru		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Anh

Cán bộ ghi điểm: Caio Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Caio

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22PHCN

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024

Phòng thi: D71114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	117322032	Lê Phạm Phước	Thịnh	10/02/2004	Nam	8,5	5,0	6,8	001			
2	117322033	Danh Ngọc	Nguyên	26/12/2003	Nam	/	/	/	/	/		
3	117322036	Khoa Gia	Khang	31/08/2004	Nam	9,8	5,5	7,7	018			
4	117322037	Nguyễn Thanh	Lộc	25/05/1994	Nam	7,8	3,8	5,8	019			
5	117322038	Lương Huỳnh Phương	Toàn	02/07/2004	Nam	8,8	5,5	7,2	020			
6	117322039	Bảo Anh	Ninh	24/09/2003	Nam	7,8	4,5	6,2	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương phụng lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thạch

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/1

ĐH 111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA21DA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐH 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621126	Thạch Thị Ngọc Ngân	26/10/2003	Nữ	80	5,8	6,9	001	<u>ML</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Cán bộ ghi điểm: Đoàn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: leak

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KT
CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024
Phòng thi: ĐH. 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922067	Nguyễn Lê Phương Nghi	11/07/2004	Nữ	8.5	7.0	7.8	002	<u>[Signature]</u>		
2	111922079	Nguyễn Thị Ngọc Như	17/09/2004	Nữ	8.5	3.5	6.0	003	<u>Như</u>		
3	111922103	Ngô Đức Toàn	20/11/2003	Nam	8.5	7.0	7.8	004	<u>Đức Toàn</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03....
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03....
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: [Signature]
Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm: [Signature] Quo Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

ĐH 114 (19/30)
22/11

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22KT(CO-OP)

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 01 / 2024

Phòng thi: Đ71114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922014	Trần Văn Quyền	27/02/2004	Nam	7,5	5,3	6,4	001	<u>Qu</u>		
2	111922017	Trần Thị Anh Thư	13/09/2004	Nữ	8,0	3,8	5,9	002	<u>Th</u>		
3	111922020	Đoàn Thị Ngọc Trâm	03/01/2004	Nữ	9,3	5,3	7,3	003	<u>Th</u>		
4	111922039	Lê Nguyễn Nhật Điền	03/01/2004	Nam	7,8	5,3	6,6	004	<u>Đi</u>		
5	111922041	Phùng Thị Thùy Dương	18/04/2004	Nữ	8,5	3,0	5,8	0045	<u>Th</u>		
6	111922055	Lê Nhật Khoa	31/08/2004	Nam	7,3	5,0	6,2	006	<u>Th</u>		
7	111922059	Lưu Thị Yến Loan	01/03/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	007	<u>Th</u>		
8	111922066	Thạch Thị Thanh Ngân	22/10/2004	Nữ	8,0	4,5	6,3	008	<u>Th</u>		
9	111922082	Thạch Thị Thanh Ni	17/09/2004	Nữ	8,0	2,8	5,4	009	<u>Ni</u>		
10	111922087	Võ Trần Hoàng Quý	11/02/2004	Nam	8,5	3,0	5,8	010	<u>Th</u>		
11	111922091	Ngô Huỳnh Thành	24/09/2004	Nam	8,5	5,5	7,0	011	<u>Th</u>		
12	111922093	Trần Trương Thanh Thiện	07/04/2004	Nam	8,0	5,0	6,5	012	<u>Th</u>		
13	111922094	Bùi Đức Thịnh	23/08/2004	Nam	7,8	3,3	5,6	013	<u>Th</u>		
14	111922106	Trần Thị Quế Trân	15/12/2003	Nữ	8,3	4,5	6,4	014	<u>Th</u>		
15	111922116	Sơn Chánh Việt	12/09/2003	Nam	8,8	5,3	7,1	015	<u>Th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ kiểm tra: Th

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22THD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024

Phòng thi: D71 / 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114322068	Hà Ngọc Phượng Nguyễn	18/10/2004	Nữ	9.8	6,8	8.3	005	nguyen		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Luyện

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đinh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22XD

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024

Phòng thi: DH. 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111722034	Nguyễn Hữu Trí	01/06/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Như

Nguyễn Thị Ngọc Luyện

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phụng

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (06 -)/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Võ Thu An (00810)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 01 / 2024

Phòng thi: D71 11

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Độ	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	116022033	Lê Tấn	Độ	20/09/2004	Nam	9.5	7.8	8.7	007	<u>Đ</u>		
2	116022148	Lê Thành	Phong	20/09/2004	Nam	9.5	7.8	8.7	008	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02..

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 19 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm:..... Cao Dương phượng lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:..... Đ